

冷凍・空調機器に含まれる冷媒の二酸化炭素換算値の表示（冷媒の見える化）の実施について

2009年11月より、店舗用エアコンでは、冷媒の二酸化炭素換算値の表示（冷媒の見える化）を行っています。

（社）日本冷凍空調工業会では、地球温暖化防止対策のための自主的取り組みの一環として、エアコンをはじめ冷凍・空調機器に含まれる冷媒の温暖化の影響度合いを表示する冷媒の「見える化」を行うことを決定しました。

この冷媒の「見える化」は、一般消費者や機器のユーザー、機器の設置工事・修理にあたられる方などの広い範囲の方々に対し、冷媒の大気中への排出による地球温暖化の影響をご認識いただき、使用時排出の削減、廃棄時回収率の向上を図ることを目的としています。

「見える化」は、以下の例示のように、当該機器に含まれる冷媒の温暖化の影響度合いを二酸化炭素に換算してその値を表示するとともに、廃棄時などの適切な処理を呼びかける注意喚起表示が行われます。


■表示内容及び表示方法

- ①機器本体（室内ユニットと室外ユニット）に、充てんされている冷媒量について地球温暖化係数（GWP）を用いて二酸化炭素の量に換算した数値（冷媒充てん量の二酸化炭素換算値）を表示しております。
- ②大気中への冷媒排出抑制に関する事項（廃棄時の適切な処理を呼びかける）を表示

冷 媒	地球温暖化係数 (GWP)*
R410A	2090
R404A	3920
R407C	1770

*CO₂を1とした地球温暖化係数。

フロン排出抑制法 第一種特定製品



この製品には冷媒として、HFCが使われています。

(1) フロン類をみだりに大気中に放出することは禁じられています。

(2) この製品を廃棄・整備する場合には、フロン類の回収が必要です。

(3) フロンの種類・冷媒番号・地球温暖化係数(GWP)・数量は、製品銘板あるいはユニット内部の冷媒量記入ラベルに記載されています。

〈表示ラベル例〉

■冷媒の二酸化炭素換算値

(1) 業務用ヒートポンプ給湯機

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
業務用 エコキュート	QAHV-N560D	CO ₂	R744	6.8	1
	QAHV-N560D-HWP	CO ₂	R744	6.8	1

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
水熱源 ヒートポンプ	CRHV-P650A	HFC	R407C	8	1770
	BCHV-P450A	HFC	R407C	8	1770
ホットウォーター ヒートポンプ	CAHV-P160AK2-H	HFC	R407C	5.5	1770
	CAHV-P250AK2-H	HFC	R407C	5.5	1770
	CAHV-P500AK2-H	HFC	R407C	11	1770

(2) チリングユニット

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
空冷ヒートポンプチラー DT-R	CAHV-P850A	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1180A	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1500A	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1800A	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P850A-P	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1180A-P	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1500A-P	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1800A-P	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P850A-N	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1180A-N	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1500A-N	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1800A-N	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P850A	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1180A	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1500A	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1800A	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P850A-P	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1180A-P	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1500A-P	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1800A-P	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P850A-N	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1180A-N	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1500A-N	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1800A-N	HFC	R410A	60	2090

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
コンパクトキューブ e-series	EAHV-P600A	HFC	R410A	22	2090
	EAHV-P900A	HFC	R410A	38	2090
	EAHV-P1200A	HFC	R410A	44	2090
	EAHV-P1500A	HFC	R410A	60	2090
	EAHV-P1800A	HFC	R410A	76	2090
	EAHV-P2100A	HFC	R410A	82	2090
	EAHV-P2400A	HFC	R410A	98	2090
	EAHV-P2700A	HFC	R410A	114	2090
	EAHV-P3000A	HFC	R410A	120	2090
	EAHV-P3300A	HFC	R410A	136	2090
	EAHV-P3600A	HFC	R410A	152	2090
	EAHV-P3900A	HFC	R410A	158	2090
	EAHV-P4200A	HFC	R410A	174	2090
	EAHV-P4500A	HFC	R410A	190	2090
	EAHV-P4800A	HFC	R410A	196	2090
	EAHV-P5100A	HFC	R410A	212	2090
	EAHV-P5400A	HFC	R410A	228	2090
	EAHV-P600AE	HFC	R410A	22	2090
	EAHV-P900AE	HFC	R410A	38	2090
	EAHV-P1200AE	HFC	R410A	44	2090
	EAHV-P1500AE	HFC	R410A	60	2090
	EAHV-P1800AE	HFC	R410A	76	2090
	EAHV-P2100AE	HFC	R410A	82	2090
	EAHV-P2400AE	HFC	R410A	98	2090

シリーズ	機種名	種類	冷媒 番号	数量 (kg)	地球温暖化 係数	
コンパクトキューブ e-series	EAHV-P2700AE	HFC	R410A	114	2090	
	EAHV-P3000AE	HFC	R410A	120	2090	
	EAHV-P3300AE	HFC	R410A	136	2090	
	EAHV-P3600AE	HFC	R410A	152	2090	
	EAHV-P3900AE	HFC	R410A	158	2090	
	EAHV-P4200AE	HFC	R410A	174	2090	
	EAHV-P4500AE	HFC	R410A	190	2090	
	EAHV-P4800AE	HFC	R410A	196	2090	
	EAHV-P5100AE	HFC	R410A	212	2090	
	EAHV-P5400AE	HFC	R410A	228	2090	
	EAV-P600A	HFC	R410A	22	2090	
	EAV-P900A	HFC	R410A	38	2090	
	EAV-P1200A	HFC	R410A	44	2090	
	EAV-P1500A	HFC	R410A	60	2090	
	EAV-P1800A	HFC	R410A	76	2090	
	EAV-P2100A	HFC	R410A	82	2090	
	EAV-P2400A	HFC	R410A	98	2090	
	EAV-P2700A	HFC	R410A	114	2090	
	EAV-P3000A	HFC	R410A	120	2090	
	EAV-P3300A	HFC	R410A	136	2090	
	EAV-P3600A	HFC	R410A	152	2090	
	EAV-P3900A	HFC	R410A	158	2090	
	EAV-P4200A	HFC	R410A	174	2090	
	EAV-P4500A	HFC	R410A	190	2090	
	EAV-P4800A	HFC	R410A	196	2090	
	EAV-P5100A	HFC	R410A	212	2090	
	EAV-P5400A	HFC	R410A	228	2090	
	EAV-P600AE	HFC	R410A	22	2090	
	EAV-P900AE	HFC	R410A	38	2090	
	EAV-P1200AE	HFC	R410A	44	2090	
	EAV-P1500AE	HFC	R410A	60	2090	
	EAV-P1800AE	HFC	R410A	76	2090	
	EAV-P2100AE	HFC	R410A	82	2090	
	EAV-P2400AE	HFC	R410A	98	2090	
	EAV-P2700AE	HFC	R410A	114	2090	
	EAV-P3000AE	HFC	R410A	120	2090	
	EAV-P3300AE	HFC	R410A	136	2090	
	EAV-P3600AE	HFC	R410A	152	2090	
	EAV-P3900AE	HFC	R410A	158	2090	
	EAV-P4200AE	HFC	R410A	174	2090	
	EAV-P4500AE	HFC	R410A	190	2090	
	EAV-P4800AE	HFC	R410A	196	2090	
	EAV-P5100AE	HFC	R410A	212	2090	
	EAV-P5400AE	HFC	R410A	228	2090	
	寒冷地用コンパクトキューブ	MCHV-HP1500AE1	HFC	R410A	72	2090
	コンパクトキューブ ICE	MKHV-P1180AE1-ST	HFC	R410A	63	2090
		MKHV-P1800AE1-ST	HFC	R410A	72	2090
		MKHV-P3550AE1-ST	HFC	R410A	144	2090
水冷 コンパクトキューブ	MCRV-P1750NA1-D	HFC	R410A	28	2090	
	MCRV-P3500NA1-D	HFC	R410A	56	2090	
	MCRV-P5250NA1-D	HFC	R410A	84	2090	
	MCRV-P7000NA1-D	HFC	R410A	112	2090	
	MCRV-P8750NA1-D	HFC	R410A	140	2090	
MCRV-P10500NA1-D	HFC	R410A	168	2090		
空冷式 ヒートポンプ	CAH-190C	HFC	R407C	4.5	1770	
	CAH-250C	HFC	R407C	6.3	1770	
	CAH-375C	HFC	R407C	9	1770	
	CAH-500C	HFC	R407C	12.6	1770	
	CAH-630D	HFC	R407C	15.3	1770	
	CAH-750D	HFC	R407C	18.9	1770	
	CAH-P1180FII	HFC	R407C	40	1770	
	CAH-P1500FII	HFC	R407C	47	1770	
	CAH-P1800FII	HFC	R407C	55	1770	
	CAH-P2360FII	HFC	R407C	65	1770	
	CAH-P3000FII	HFC	R407C	85	1770	
	CAH-P3550FII	HFC	R407C	115	1770	
	CAH-P4750FII	HFC	R407C	170	1770	
	プール施設用	CAH-P500CP1	HFC	R407C	12.4	1770
空冷式冷房専用	CA-P1180FII	HFC	R407C	45	1770	
	CA-P1500FII	HFC	R407C	42	1770	
	CA-P1800FII	HFC	R407C	55	1770	
	CA-P2360FII	HFC	R407C	62	1770	
	CA-P3000FII	HFC	R407C	90	1770	
	CA-P3550FII	HFC	R407C	115	1770	
CA-P4750FII	HFC	R407C	160	1770		

シリーズ	機種名	種類	冷媒 番号	数量 (kg)	地球温暖化 係数
産業用空冷式	MCA-P75B	HFC	R407C	1.8	1770
	MCA-P125B	HFC	R407C	2.8	1770
	MCA-P190C	HFC	R407C	4.4	1770
	MCA-P250C	HFC	R407C	5.2	1770
	MCA-P375C	HFC	R407C	8.8	1770
	MCA-P500C	HFC	R407C	10.8	1770
	MCA-P630D	HFC	R407C	14.2	1770
	MCA-P750D	HFC	R407C	16.2	1770
	MCA-P75BW	HFC	R407C	1.8	1770
	MCA-P125BW	HFC	R407C	2.8	1770
	MCA-P190CW	HFC	R407C	4.4	1770
	MCA-P250CW	HFC	R407C	5.2	1770
	MCA-P375CW	HFC	R407C	8.8	1770
	MCA-P500CW	HFC	R407C	10.8	1770
	MCA-P630DW	HFC	R407C	14.2	1770
	MCA-P750DW	HFC	R407C	16.2	1770
	MCA-P125B-PT	HFC	R407C	2.8	1770
	MCA-P190C-PT	HFC	R407C	4.4	1770
	MCA-P250C-PT	HFC	R407C	5.2	1770
	MCA-P375C-PT	HFC	R407C	8.8	1770
	MCA-P500C-PT	HFC	R407C	10.8	1770
	MCA-P125B-PTN	HFC	R407C	2.8	1770
	MCA-P190C-PTN	HFC	R407C	4.4	1770
	MCA-P250C-PTN	HFC	R407C	5.2	1770
	MCA-P375C-PTN	HFC	R407C	8.8	1770
	MCA-P500C-PTN	HFC	R407C	10.8	1770
	MCAV-P150A	HFC	R407C	2.8	1770
	MCAV-P224A	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P300A	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P450F	HFC	R410A	12.5	2090
	MCAV-P540F	HFC	R410A	13.2	2090
	MCAV-P750F	HFC	R410A	25	2090
	MCAV-P900F	HFC	R410A	25	2090
	MCAV-P150A-SUS	HFC	R407C	2.8	1770
	MCAV-P224A-SUS	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P300A-SUS	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P400E-SUS	HFC	R410A	9.6	2090
	MCAV-P300A-PT	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P300A-PTN	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P450F1	HFC	R410A	12.5	2090
	MCAV-P540F1	HFC	R410A	13.2	2090
	MCAV-EP600A	HFC	R410A	22	2090
	MCAV-EP750A	HFC	R410A	38	2090
	MCAV-EP900A	HFC	R410A	38	2090
	MCAV-EP1200A	HFC	R410A	44	2090
	MCAV-EP1500A	HFC	R410A	60	2090
	MCAV-EP1800A	HFC	R410A	76	2090
	産業用水冷式	MCR-P150E	HFC	R410A	1.5
MCRV-P224E		HFC	R410A	2.3	2090
MCRV-P300E		HFC	R410A	2.3	2090
MCRV-P450E		HFC	R410A	4.4	2090
MCRV-P600E		HFC	R410A	4.4	2090
MCRV-P750E		HFC	R410A	6.9	2090
MCRV-P900E		HFC	R410A	6.9	2090
MCR-SP40KE		HFC	R407C	22	1770
MCR-SP50KE		HFC	R407C	24	1770
MCR-SP60KE		HFC	R407C	26	1770
MCR-SP80KE		HFC	R407C	28	1770
MCR-SP100KE		HFC	R407C	54	1770
MCR-SP120KE		HFC	R407C	54	1770
MCR-SP150KE		HFC	R407C	54	1770
MCR-SP40KEN		HFC	R407C	50	1770
MCR-SP50KEN		HFC	R407C	50	1770
MCR-SP60KEN		HFC	R407C	55	1770
MCR-SP80KEN		HFC	R407C	67	1770
MCR-SP100KEN	HFC	R407C	110	1770	
MCR-SP120KEN	HFC	R407C	130	1770	
MCR-SP150KEN	HFC	R407C	130	1770	

(3) ブラインクーラ

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
水冷式 (単段)	BCL-P150E	HFC	R410A	1.5	2090
	BCL-SP40E	HFC	R404A	13	3920
	BCL-SP50E	HFC	R404A	17	3920
	BCL-SP60E	HFC	R404A	23	3920
	BCL-SP80E	HFC	R404A	27	3920
	BCL-SP100E	HFC	R404A	27	3920
	BCL-SP120E	HFC	R404A	47	3920
	BCL-SP150E	HFC	R404A	49	3920
	BCL-SP180E	HFC	R404A	54	3920
	BCL-SP40EN	HFC	R404A	50	3920
	BCL-SP50EN	HFC	R404A	55	3920
	BCL-SP60EN	HFC	R404A	60	3920
	BCL-SP80EN	HFC	R404A	65	3920
	BCL-SP100EN	HFC	R404A	65	3920
	BCL-SP120EN	HFC	R404A	110	3920
	BCL-SP150EN	HFC	R404A	130	3920
	BCL-SP180EN	HFC	R404A	140	3920
	BCL-SP40ES	HFC	R404A	50	3920
	BCL-SP50ES	HFC	R404A	55	3920
	BCL-SP60ES	HFC	R404A	60	3920
	BCL-SP80ES	HFC	R404A	60	3920
	BCL-SP100ES	HFC	R404A	65	3920
	BCL-SP120ES	HFC	R404A	75	3920
	BCL-SP150ES	HFC	R404A	110	3920
	BCL-SP180ES	HFC	R404A	135	3920
	BCL-220BSA	HFC	R404A	170	3920
	BCL-280BSA	HFC	R404A	210	3920
	BCL-320BSA	HFC	R404A	230	3920
水冷式 (インバータ)	BCLV-P224E	HFC	R410A	2.3	2090
	BCLV-P300E	HFC	R410A	2.3	2090
	BCLV-P450E	HFC	R410A	4.4	2090
	BCLV-P600E	HFC	R410A	4.4	2090
	BCLV-SP180E	HFC	R404A	52	3920
	BCLV-SP200E	HFC	R404A	56	3920
水冷式 (二段)	BCS-SP50A	HFC	R404A	45	3920
	BCS-SP60A	HFC	R404A	50	3920
	BCS-SP80A	HFC	R404A	60	3920
	BCS-SP100A	HFC	R404A	65	3920
	BCS-SP120A	HFC	R404A	70	3920
	BCS-SP160DA	HFC	R404A	145	3920
	BCS-SP200DA	HFC	R404A	145	3920
	BCS-SP240DA	HFC	R404A	145	3920
	BCS-SP300TA	HFC	R404A	310	3920
	BCS-SP360TA	HFC	R404A	310	3920
BCS-SP480FA	HFC	R404A	360	3920	

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
一体空冷式	BAL-P75B	HFC	R407C	1.8	1770
	BAL-P125B	HFC	R407C	2.8	1770
	BAL-P190C	HFC	R407C	4.4	1770
	BAL-P250C	HFC	R407C	5.4	1770
	BAL-P375C	HFC	R407C	8.8	1770
	BAL-P500C	HFC	R407C	10.8	1770
	BAL-P630D	HFC	R407C	14.2	1770
	BAL-P750D	HFC	R407C	16.2	1770
	BAL-40ASA	HFC	R404A	56	3920
	BAL-50ASA	HFC	R404A	50	3920
	BAL-60ASA	HFC	R404A	50	3920
	BAL-80ASA	HFC	R404A	100	3920
	BAL-100ASA	HFC	R404A	90	3920
	BAL-120ASA	HFC	R404A	100	3920
	BAL-SP40KF	HFC	R407C	80	1770
	BAL-SP50KF	HFC	R407C	80	1770
	BAL-SP60KF	HFC	R407C	81	1770
	BAL-SP80KF	HFC	R407C	108	1770
	BAL-SP100KF	HFC	R407C	130	1770
	BAL-SP120KF	HFC	R407C	135	1770
BAL-SP180KF	HFC	R407C	170	1770	
一体空冷式 (インバータ)	BALV-P450F	HFC	R410A	12.5	2090
	BALV-P750F	HFC	R410A	25	2090
	BALV-P900F	HFC	R410A	25	2090
	BALV-P40AE1	HFC	R410A	72	2090
	BALV-P50AE1	HFC	R410A	72	2090
	BALV-P60AE1	HFC	R410A	72	2090
リモート空冷式 ^{*1}	BFL-SP50E	HFC	R404A	105 ^{*1}	3920
	BFL-SP60E	HFC	R404A	120 ^{*1}	3920
	BFL-SP80E	HFC	R404A	140 ^{*1}	3920
	BFL-SP100E	HFC	R404A	160 ^{*1}	3920

※1. リモート空冷式は工場で冷媒封入を行いません。
 ※2. リモート空冷式の換算値は各機器に最低限必要な冷媒封入量を基に算出しております。
 現地配管の長さによって異なることがありますので、予めご了承をよろしくお願い致します。

(4) 産業用除湿機

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
床置形	KFH-P08RB-W	HFC	R407C	0.575	1770
	KFH-P08RB-BK	HFC	R407C	0.575	1770
	KFH-P08RB-W-CM	HFC	R407C	0.575	1770
	KFH-P2A	HFC	R410A	1.4	2090
	KFH-P3A	HFC	R410A	1.5	2090
	KFH-P5A	HFC	R410A	3	2090
	KFH-P10A	HFC	R410A	3.7	2090

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
床置形	RF-P2A (RFH-P2A)	HFC	R410A	3.2	2090
	RF-P3A (RFH-P3A)	HFC	R410A	3.5	2090
	RF-P5A (RFH-P5A)	HFC	R410A	6.2	2090
	RF-P10A (RFH-P10A)	HFC	R410A	8	2090
天吊形	KEH-P08A (-RC)	HFC	R407C	0.66	1770
	KUH-P3A (KEH-SP3A)	HFC	R410A	2.3	2090
	RUH-P5B (REH-SP5B)	HFC	R407C	6.4	1770